

Số: 1206/NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “Mua sắm VTTT
bảo dưỡng thường xuyên năm 2025-
Phần Bearing & Saft Seal”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai “Mua sắm VTTT bảo dưỡng thường xuyên năm 2025-Phần Bearing & Saft Seal”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc:
 - Danh mục hàng hóa như Phụ lục đính kèm;
 - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng, có xuất xứ từ Châu Âu/OECD.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp sớm nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: NMNĐ Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Thị trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 25/6/2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
7. Thông tin liên hệ:
Người nhận: Phòng KTATMT - NMNĐ Sông Hậu 1.
Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
Email: damct@pvpgb.vn; khoitm@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; hanhhx@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; sonpn@pvpgb.vn.
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (đề b/c);
- Phòng: TM, KHTC
- Lưu VT, KT-ATMT (P.N.S).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT.GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm công văn số: 1206/NMĐSH1-KTATMT ngày 30/5/2025)

STT	Tên vật tư/mô tả	Oder information (Part N0/Type)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị	Ghi Chú
1	Motor Boiler Recirculation pump		Type: HLV6/2EV50 - 1105 Frequency: 50 Hz Rated Voltage: 11000 V Rated Output: 500 kW Number of Poles: 2 P Nominal Current: 37.5 A Efficiency at Full Load: 84% Power Factor at Full Load: 84% Starting Current: 225A Starting Power Fact: 14% Starting Time: 18s Allowable Lock Time: 7s Insulation Class: Y Design Pressure: 296 barg Design Temperature: 90 deg C	TORISHIMA				*
1.1	Bearing Sleeve UPPER	5290,1	-Material: SUS420J2 HCr P; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S42000	TEPCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.2	Bearing Sleeve LOWER	5290,2	-Material: SUS420J2 HCr P; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S42000	TEPCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.3	PLAIN BEARING COMPL. (UPPER)	3100,1	1 Set includes: '1. Bearing Shell, No 3820,1; Material: FC250; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A48 CL. 250 (01PC) 2. Bearing Brush, No 5450,1; Material: FRP (01PC)	TEPCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*

Be

			3. SET SCREW, No 9041,1; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S30400 (01PC)					
1.4	PLAIN BEARING COMPL. (LOWER)	3100,2	1 Set includes: 1.. Bearing Shell, No 3820,2; Material: FC250; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A48 CL. 250 (01PC) 2. Bearing Brush, No 5450,2; Material: FRP (01PC) 3. SET SCREW, No 9041, 2; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S30400 (01PC)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*
1.5	KEY	9400,2	-Material: SUS420J2; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S42000	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.6	KEY	9400,3	-Material: S45C; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A108 Gr. 1045	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.7	KEY	9400,4	-Material: SUS420J2; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S42000	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.8	KEY	9400,5	-Material: SUS420J2; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION: A276 S42000	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.9	THRUST BEARING SEGMENT (UPPER)	3870,1	-Material: FRP	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*
1.10	THRUST BEARING SEGMENT	3870,2	-Material: FRP	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*

	(LOWER)							
1.11	O-RING	4120,1	-Material: SUS304 GRAFOIL (DIN3770-8-NW670)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.12	O-RING	4120,2	-Material: NBR; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:NBR (DIN3770-8-NW470)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.13	O-RING	4120,4	-Material: NBR80; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:NBR (DIN3770-6-NW195)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	2	PC	*
1.14	O-RING	4120,5	-Material: NBR80; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:NBR (DIN3770-5-NW100)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.15	O-RING	4120,6	-Material: NBR80; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:NBR (DIN3770-8-NW480)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.16	RETAINING RING (UPPER)	5060,1	-Material: SUS420J2; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A473 S42000	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.17	RETAINING RING(LOWER)	5060,2	-Material: SUS420J2; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A473 S42000	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*
1.18	STATOR COMPL.	8130	1 Set includes: 1. WEDGE RING, No 5001; Material: PLASTICS (02PC) 2. STATOR CORE SHEET, No 8132; Material: Si-STEEL (1SET) 3. WEDGE, No 8133; Material: WOOD (1SET) 4. STATOR COIL, No 8140; Material: Cu-PVE (1SET) 5. STATOR RING, No 8150; Material: FC250/SS400; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A48 Cl,250 A36 (2PC)	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*
1.19	ROTOR COMPL.	8180	1 Set includes:	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*

			1. DISTANCE RING, No 5250 ; Material: STEEL PIPE (2PC) 2. ROTOR CORE SHEET, No 8182; Material: Si- STEEL (01SET) 3. ROTOR END RING, No 8183; Material: Cu; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:B152 C11000 (2PC) 4. ROTOR BAR, No 8184; Material: Cu; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:B152 C10200 (01Set) 5. ROTOR THRUSH RING, No 8185; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A276 S30400 (02PC)					
1.20	FILTER COMPL	7911	1 Set includes: 1. O-RING, No 4120,3; Material: NBR; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:NBR DIN3770-5-NW100 (01PC) 2. INSERT RING, No 5131; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A276 S30400 (01PC) 3. SCREEN, No 7931; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A276 S30400 (01PC) 4. CONTINOUS THREAD STUD, No 9110; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A276 S30400 (01PC) 5. SOCKET HEAD CAP SCREW.	TEPSCO	Châu Âu/OECD	1	Set	*

			No 9140,10; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A276 S30400 (04PC) 6. HEX, NUT, No 9200,7; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A276 S30400 (02PC) 7. LOCK WASHER, No 9311,8; Material: SUS304; EQ.ASTM MAT.DESIGNATION:A666 S30400 (01PC)					
2	Bearing	NU 1034 M	Bearing: NU 1034 M Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 320 kN; - Tải trọng tĩnh: 400 kN; - Vận tốc tham khảo: 2,800 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 2,800 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
3	Bearing	6034 M	Bearing: 6034 M Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 168 kN; - Tải trọng tĩnh: 173 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,300 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
4	Bearing	NU 1032 M	Bearing: NU 1032 M Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 265 kN; - Tải trọng tĩnh: 325 kN; - Vận tốc tham khảo: 3,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
5	Bearing	6209-2Z	Bearing: 6209-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21,6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	

			- Vận tốc giới hạn: 8,500 v/ph;					
6	Bearing	6206-2Z	Bearing: 6206 -2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 20.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 11.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 24,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 12,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	29	PC	
7	Bearing	6202-2Z/C3	Bearing: 6202-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 8.06 kN; - Tải trọng tĩnh: 3.75 kN; - Vận tốc tham khảo: 43,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 22,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	20	PC	
8	Bearing	6318/C3	Bearing: 6318/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 151 kN; - Tải trọng tĩnh: 108 kN; - Vận tốc tham khảo: 7,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,800 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	9	PC	
9	Bearing	6316/C3	Bearing: 6316/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 130 kN; - Tải trọng tĩnh: 86.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	
10	Motor	Type SK 100LH/4 F RD	3 pha motor; - 50Hz- 230/400V Δ/Y- 8,05/4,65 A, 2,2 kW. Cos phi 0.79, 1445 rpm, 220-240/380-420V Δ/Y; 8,26- 8,24/4,78-4,71 A, IE2-85,3% - 60 Hz-265/460V Δ/Y- 7,20/4,16 A- 2,2 Kw, cos phi 0.76, 1755 rpm; 254- 277/440-480V Δ/Y; 7,28-7,33/4,20- 4,23A; IE2-87,5% - 21 Kg; bearing 6206.2Z-6206.2Z	NORD	Châu Âu/OECD	2	PC	*

11	Motor PAF		Frame Size 560 Type: HIQ1 565-48E Protection degree: IP56 Rated Frequency: 50 Hz Number of Phases: 3 Rated Output: 2114 kW Number of Poles: 4 Rotor Type: Squirrel Cage Rated Voltage: 11000 V Efficiency: 95.8% Bearing NDE: Sleeve, Bearing DE: Sleeve Rotor type: Squirrel Cage Duty type: S1 Insulation Class: F Temperature Rise: B class Power Factor: 0.89 Current: Full Load: 130.1 A Speed at Full Load: 1490 rpm Weight: 12500 kg Ambient Temp.: 50 deg.C (Max.)	HYNUDAI				*
11.1	SLEEVE Bearing	SLEEVE Bearing	1 Set includes: '- Sealing ring, upper half, drive end (Details 7) -Upper bearing shell, drive end (Details 9) - Oil ring, drive end (Details 10) - Lower bearing shell, drive end)Details 11) - Sealing ring, lower half, drive end (Details 13)	HYNUDAI	Châu Âu/OECD	5	Set	*
11.2	SLEEVE Bearing	SLEEVE Bearing	1 Set includes: '- Sealing ring, upper half, non-drive end (Details 19)	HYNUDAI	Châu Âu/OECD	4	Set	*

			-Upper bearing shell, non-drive end (Details 20) - Oil ring, non-drive end (Details 21) - Lower bearing shell, non-drive end (Details 22) - Sealing ring, lower half non-drive end (Details 24)					
12	Motor IDF		Frame Size 800 Type: HRN3 807-68E Protection degree: IP56 Rated Frequency: 50 Hz Number of Phases: 3 Rated Output: 1800 kW Number of Poles: 4 Rotor Type: Squirrel Cage Rated Voltage: 11000 V Efficiency: 96.8% Bearing NDE: Sleeve, Bearing DE: Sleeve Rotor type: Squirrel Cage Duty type: S1 Insulation Class: F Temperature Rise: B class Power Factor: 0.86 Current: Full Load: 111.0 A Speed at Full Load: 995 rpm Weight: 25300kg Ambient Temp.: 50 deg.C (Max.)	HYNUDAI				*
12.1	Inverter	FRN30G1S-4J	SER.No: 71AT70B00001 PJ Điện áp ngõ vào :3 Pha 380-480VAC, 50/60Hz Điện áp ngõ ra :3 Pha 380-	FUJI	Châu Âu/OECD	1	PC	*

			480VAC Công suất : 30kW Dòng điện ngõ vào:77.9A, 94.3A Dòng điện ngõ ra :60A, 75A Tần số ra Max :500Hz Lọc EMC: Không Đầu vào digital: 7 Đầu vào analog : 2 Đầu vào xung : Không Đầu ra transistor: 4 Đầu ra rơ le: 2 Đầu ra analog : 2 Phương pháp điều khiển/ Chế độ điều khiển : Speed sensor less vector control (Dynamic torque vector control), V/f Control, V/f control with slip compensation active, V/f control with speed sensor (The PG option card is required.), Vector control with speed sensor (The PG option card is required.) Kết nối với PC: USB port, RJ45 Truyền thông: Modbus RTU Chức năng: Analog gain/bias adjustment, Frequency limit, Overload Protection, PID control, Slip compensatio Khối lượng: 25kg Kích thước: 326.2x550x261.3mm					
13	Bearing	6213-Z/C3	Bearing: 6213-Z/C3 Các thông số cơ bản:	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	

			- Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7,500 v/ph;					
14	Bearing	6204-2Z	Bearing: 6204-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6,55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 17,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	19	PC	
15	Bearing	6212- 2Z	Bearing: 6212-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
16	Bearing	6032/C3	Bearing: 6032/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 143 kN; - Tải trọng tĩnh: 143 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,600 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
17	Bearing	7324 BDT	Bearing: 7324 BDT Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 356K kN; - Tải trọng tĩnh: 460 kN; - Vận tốc giới hạn: 1600 min-1 (Grease)	NSK	Châu Âu/OECD	1	PC	
18	Bearing	6205-2Z/C3	Bearing: 6205-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 14,8 kN; - Tải trọng tĩnh: 7,8 kN; - Vận tốc tham khảo: 28,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 14,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	11	PC	
19	Bearing	6205-2Z	Bearing: 6205-2Z	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	

			Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13.8 kN; - Tải trọng tĩnh: 7.65 kN; - Vận tốc tham khảo: 28,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 14,000 v/ph;					
20	Bearing	6060 M	Bearing: 6060 M Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 358 kN; - Tải trọng tĩnh: 500 kN; - Vận tốc tham khảo: 2,800 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 2,400 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
21	Bearing	29352 E	Bearing: 29352 E Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 2,550 kN; - Tải trọng tĩnh: 8,300 kN; - Vận tốc tham khảo: 850 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 1,400 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
22	Bearing	6312-2Z/C3	Bearing: 6312-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85.2 kN; - Tải trọng tĩnh: 52 kN; - Vận tốc tham khảo: 11,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,600 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
23	Bearing	6309	Bearing: 6309 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,500 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
24	Motor	MS6000REST40	Product No.: 78195618 The motor is a 3-phase motor of the canned type with sand shield, liquid-lubricated bearings	GRUNDFOS	Châu Âu/OECD	1	Set	*

			and pressure equalizing diaphragm. Liquid: Max liquid t at 0.15 m/sec: 40 °C Technical: Shaft seal for motor: SIC/SICFKM Approvals: CE,GOST2; CE approved (Yes/No): Y; Motor version: T40; Materials: Motor: Stainless steel; DIN W.-Nr. 1.4539, AISI 904L Installation: Maximum ambient pressure: 60 bar Motor diameter: 6 inch Electrical data: Motor type: MS6000 Rated power - P2: 22 kW Mains frequency: 50 Hz Rated voltage: 3 x 380-400-415 V Voltage tolerance: +6/-10 % Rated current: 49.5-47.5-46.5 A Starting current: 480-530-560 % Cos phi - power factor: 0.86-0.84-0.82 Rated speed: 2850-2870-2880 rpm Rated full-load torque: 74 Nm Locked-rotor torque: 140-160-180 % Breakdown torque: 230-260-290					
--	--	--	--	--	--	--	--	--



			% Moment of inertia: 0.0097 kg m² Axial load max: 27 kN Start. method: DOL Enclosure class (IEC 34-5): IP68 Insulation class (IEC 85): F Built-in temp. transmitter: Y Winding resistance: 0.567 ohm Windings: Enamelled Three-phase motor cables: 50 Mét					
25	Bearing	6320 /C3	Bearing: 6320/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 174 kN; - Tải trọng tĩnh: 140 kN; - Vận tốc tham khảo: 6,700 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
26	Bearing	NU 1028 CN	Bearing: NU 1028 CN Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 204 kN; - Tải trọng tĩnh: 255 kN; - Vận tốc tham khảo: 3,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
27	Bearing	6028 /C3	Bearing: 6028/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 108 kN; - Vận tốc tham khảo: 6,700 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
28	Bearing	NU 1028 C3	Bearing: NU 1028 C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 200 kN; - Tải trọng tĩnh: 245 kN; - Vận tốc tham khảo: 3,600 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	

			- Vận tốc giới hạn: 3,600 v/ph; Bearing: 6319/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 159 kN; - Tải trọng tĩnh: 118 kN; - Vận tốc tham khảo: 7,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,500 v/ph;					
29	Bearing	6319/C3		SKF	Châu Âu/OECD	31	PC	
30	Bearing	6318	Bearing: 6318 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 151 kN; - Tải trọng tĩnh: 108 kN; - Vận tốc tham khảo: 7,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,800 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
31	Bearing	6206-2Z/C3	Bearing: 6206-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 20.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 11.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 24,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 12,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	22	PC	
32	Bearing	6208-2Z/C3	Bearing: 6208-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 18,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
33	Bearing	6208-2Z	Bearing: 6208-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32,5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 18000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
34	Bearing	6313/C3	Bearing: 6313/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN;	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	

			- Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,700 v/ph;					
35	Bearing	6313-Z/C3	Bearing: 6313-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,700 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	9	PC	
36	Bearing	6004-2Z/C3	Bearing: 6004-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9.95 kN; - Tải trọng tĩnh: 5 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 19,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
37	Bearing	6313 -2Z/C3	Bearing: 6313-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	7	PC	
38	Bearing	6213 -2Z/C3	Bearing: 6213-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
39	Motor	A6C2241A68922	Motor 3 pha A6C225M2B3, 400V- 50 Hz-64,8A-37kW-2960 rpm- Cos phi 0,88 I.CI. F/B-Ta $\leq + 45^{\circ}\text{C}$, IP 55 Bearing: 6313-z/c3; 6213-z/c3 Trọng lượng: 238 kg	Marelli Motori	Châu Âu/OECD	1	Set	*
40	Bearing	6310-Z/C3	Bearing: 6310-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 65 kN;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	

			- Tải trọng tĩnh: 38 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,500 v/ph;					
41	Bearing	6210-Z/C3	Bearing: 6210-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23,2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
42	Motor	A6C1872A13322	Motor 3 pha A6C180 L4B3, 400V- 50 Hz-32,3A-18,5 Kw-1470 rpm- Cos phi 0,86 I.Cl. F/B-Ta ≤ + 45 °C, IP 55 Bearing: 6310-z/c3; 6210-z/c3 Trọng lượng: 238 kg	Marelli Motori	Châu Âu/OECD	1	Set	*
43	Bearing	6212/C3	Bearing: 6212/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
44	Bearing	6317 /C3	Bearing: 6317 C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 140 kN; - Tải trọng tĩnh: 96,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
45	Bearing	6207-2Z/C3	Bearing: 6207-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 27 kN; - Tải trọng tĩnh: 15,3 kN; - Vận tốc tham khảo: 20,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
46	Bearing	6308-2Z/C3	Bearing 6308-2Z/C3 Các thông số cơ bản:	SKF	Châu Âu/OECD	18	PC	

			- Tải trọng động: 32.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 18,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,000 v/ph;					
47	Bearing	6204-2Z/C3	Bearing: 6204-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13,5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6,55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 17,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
48	Motor	Type: SK 100LH/4 3D BRE40HL TF RD	NORD Geared motor 3pha, 2.2kW, 400/690V Δ/Y , 4,79/2,76 A, 50 Hz, 1445 rpm, Cos phi 0,79	NORD	Châu Âu/OECD	2	Set	*
49	Bearing	6001- 2Z	Bearing: 6001-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 5.4 kN; - Tải trọng tĩnh: 2.36 kN; - Vận tốc tham khảo: 60,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 30,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	10	PC	
50	Bearing	608 -2Z	Bearing: 608-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 3.45 kN; - Tải trọng tĩnh: 1.37 kN; - Vận tốc tham khảo: 75,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 38,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	10	PC	
51	Bearing	6212 -2RS1/C3	Bearing: 6212 -2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
52	Bearing	6312 -2RS1/C3	Bearing: 6312 -2RS1/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85,2 kN; - Tải trọng tĩnh: 52 kN;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	

			- Vận tốc tham khảo: 11,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,400 v/ph;					
53	Bearing	6308-2RS1/C3	Bearing: 6308-2RS/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 42,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 24 kN; - Vận tốc giới hạn: 5,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	20	PC	
54	Bearing	6207-2RS/C3	Bearing: 6207-2RS/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 27 kN; - Tải trọng tĩnh: 15,3 kN; - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	27	PC	
55	Motor (Không bao gồm hộp giảm tốc)	DRN132S4/BE11HF F/FG/TF/V/C/DUE	Type Designation gearmotor: KH127/T R87 DRN132S4/BE11HF/FG/TF/V/C/D UE - Serial number: 01.7360937203.0008X16 - Line frequency: 50 Hz - Motor power: 5,5 Kw - Power factor: 0,84 - Thermal cl.[°C]/Enclosure[IP]: 155(F)/56 - Maximum output torque: 8340/6940 - Total ratio [i]: 253 - Clamping connection: V 380-400 Δ/660-690 Y. - Brake voltage: 380-480 V. - Braking torque: 20 Nm - Brake rectifier: BME1.5 - Weight: 661.433 kg	SEW- EURODRIVE	Châu Âu/OECD	3	Set	*
56	Bearing	6312-2RS/C3	Bearing: 6312-2RS/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 85,2 kN;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	

			- Tải trọng tĩnh: 52 kN; - Vận tốc tham khảo: 11,000 v/ph - Vận tốc giới hạn: 7,000 v/ph;					
57	Bearing	6212-2RS/C3	Bearing: 6212-2RS/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 36 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph - Vận tốc giới hạn: 4,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
58	Bearing	6314-2Z/C3	Bearing: 6314-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 68 kN; - Vận tốc tham khảo: 9,500 v/ph - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	
59	Bearing	6316-Z/C3	Bearing: 6316-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 130 kN; - Tải trọng tĩnh: 86,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,500 v/ph - Vận tốc giới hạn: 5,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	7	PC	
60	Bearing	6317-M/C3	Bearing: 6317-M/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 140 kN; - Tải trọng tĩnh: 96,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,000 v/ph - Vận tốc giới hạn: 7,500 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
61	Bearing	6320-M/C3	Bearing: 6320-M/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 174 kN; - Tải trọng tĩnh: 140 kN; - Vận tốc tham khảo: 6,700 v/ph - Vận tốc giới hạn: 6,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
62	Bearing	6308-2RS/C3	Bearing: 6308-2RS/C3 Các thông số cơ bản:	SKF	Châu Âu/OECD	17	PC	

			- Tải trọng động: 42,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 24 kN; - Vận tốc giới hạn: 5,000 v/ph;					
63	Bearing	6000	Bearing: 6000 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 4,75 kN; - Tải trọng tĩnh: 1,96 kN; - Vận tốc tham khảo: 67,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 40,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
64	Bearing	6200	Bearing: 6200 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 5,4 kN; - Tải trọng tĩnh: 2,36 kN; - Vận tốc tham khảo: 56,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 36,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
65	Motor (Không bao gồm hộp giảm tốc)	DRN132S4/BE11H F/TF/V/C/DUE	Type Designation gearmotor: KH127/T R87 DRN132S4/BE11HF/TF/V/C/DUE - Serial number:01.7327043901 .0003X16 - Line frequency: 50 Hz; Speed [r/min]: 1461/6,9 - Motor power: 5,5 Kw - Power factor: 0,84 - Thermal cl.[°C]/Enclosure[IP]: 155(F)/56 - Output torque [Nm]: 7080 - Total ratio [i]: 253 - Motor voltage [V] / conn. type: 400/690V Δ/ Y; Nominal current [A]: 10,5/6,1A - Brake voltage [V]/-torque [Nm]: 400 VAC / 80 - Brake rectifier: BME1.5	SEW- EURODRIVE	Châu Âu/OECD	3	Set	*
66	Bearing	NU222- EM1	Bearing: NU222- EM1	FAG	Châu Âu/OECD	1	PC	

			Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 345 kN; - Tải trọng tĩnh: 365 kN; - Vận tốc tham khảo: 3,300 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,400 v/ph;					
67	Bearing	6324-M/C3	Bearing: 6324 M/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 208 kN; - Tải trọng tĩnh: 186 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
68	Bearing	6309-2Z/C3	Bearing: 6309-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 55,3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7,500 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	
69	Bearing	NJ308-E-XL-TV2-QP51-C4	Bearing: NJ308-E-XL-TV2-QP51-C4 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 163 kN; - Tải trọng tĩnh: 154 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,200 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,800 v/ph;	FAG	Châu Âu/OECD	8	PC	
70	Bearing	6313	Bearing: 6313 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 97.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 60 kN; - Vận tốc tham khảo: 10,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,700 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
71	Bearing	6315/C3	Bearing: 6315/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 119 kN; - Tải trọng tĩnh: 76.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 9,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	

			- Vận tốc giới hạn: 5,600 v/ph;					
72	Bearing	6203-2Z/C3	Bearing: 6203-2ZC3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9,95 kN; - Tải trọng tĩnh: 4,75 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 19,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
73	Bearing	6311-2Z/C3	Bearing: 6311-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 74.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 45 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	10	PC	
74	Bearing	6219/C3	Bearing: 6219/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 114 kN; - Tải trọng tĩnh: 81,5 kN; - Vận tốc tham khảo: 8,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
75	Bearing	6216/C3	Bearing: 6216/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 72,8 kN; - Tải trọng tĩnh: 55 kN; - Vận tốc tham khảo: 9,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
76	Bearing	6210-2ZC3	Bearing: 6210-2ZC3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23,2 kN; - Vận tốc tham khảo: 18,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
77	Bearing	6213-2Z/C3	Bearing: 6213-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58,5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40,5 kN;	SKF	Châu Âu/OECD	5	PC	

			- Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6000 v/ph;					
78	Bearing	6220/C3	Bearing: 6220/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 127 kN; - Tải trọng tĩnh: 93 kN; - Vận tốc tham khảo: 7,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,800 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
79	Bearing	6210-2Z/C3	Bearing: 6210-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23.2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
80	Bearing	6208	Bearing: 6208 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 32,5 kN; - Tải trọng tĩnh: 19 kN; - Vận tốc tham khảo: 18,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
81	Bearing	6204	Bearing: 6204 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 13,5 kN; - Tải trọng tĩnh: 6,55 kN; - Vận tốc tham khảo: 32,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 20,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
82	Bearing	6209	Bearing: 6209 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21,6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
83	Bearing	6203	Bearing: 6203 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9,95 kN;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	

			- Tải trọng tĩnh: 4,75 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 24,000 v/ph;					
84	Bearing	6210	Bearing: 6210 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 37,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 23,2 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
85	Bearing	6311	Bearing: 6311 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 74,1 kN; - Tải trọng tĩnh: 45 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	7	PC	
86	Motor	M2BAX160MLA4 IMB3/IM1001	- No: 3G1J18070001546200 - 3Pha motor; 400V; 50Hz; 11Kw; 1480 r/min; 21 A; Cos phi: 0,85; Duty: S1 - Bearing: DE 6209-2RS/C3; NDE: 6209-2RS/C3 - Prod code: H2264 192410-ADC	ABB	Châu Âu/OECD	1	PC	*
87	Bearing	6209-2RS/C3	Bearing: 6209-2RS/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 35.1 kN; - Tải trọng tĩnh: 21.6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,500 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
88	Bearing	EBKL 6324 /C3	Bearing: EBKL 6324 /C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 208 kN; - Tải trọng tĩnh: 186 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,400 v/ph;	ABB	Châu Âu/OECD	1	PC	

Handwritten signature

89	Bearing	EBKL 6322 /C3	Bearing: EBKL 6322 /C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 203 kN; - Tải trọng tĩnh: 180 kN; - Vận tốc tham khảo: 6000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,800 v/ph;	ABB	Châu Âu/OECD	1	PC	
90	Bearing DE	NU 226 ECJ	Bearing: NU 226 ECJ Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 415 kN; - Tải trọng tĩnh: 455 kN; - Vận tốc tham khảo: 3,200 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,400 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
91	Bearing DE	6226/C3	Bearing: 6226/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 156 kN; - Tải trọng tĩnh: 132 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 3,600 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
92	Bearing	NU222EM1	Bearing: NU222EM1 Inner dimension: 110 mm Outer dimension: 200 mm Width: 38 mm Weight: 5,5 kg EAN: 4012801396493 Clearance: Normal radial clearance Seal: None, open bearing Temperature range: -30 to +150 °C Running accuracy: Tolerance class P0/PN2 / ABEC 1 Current insulation: No current insulation Bore: Cylindrical bore Roller rows: Single row bearing Design: Floating bearing, inner ring removable on both sides	FAG	Châu Âu/OECD	2	PC	

			Outer ring: Without groove/lubrication holes Cage: Brass cage					
93	Bearing	6324 M/C3	Bearing: 6324 M/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 208 kN; - Tải trọng tĩnh: 186 kN; - Vận tốc tham khảo: 5,600 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 5,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
94	Bearing	6310-C3	Bearing: 6310/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 65 kN; - Tải trọng tĩnh: 38 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 8,500 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4		
95	Bearing	6209-C3	Bearing: 6209-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 33,2 kN; - Tải trọng tĩnh: 21.6 kN; - Vận tốc tham khảo: 17,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 11,00 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4		
96	Bearing	6220 /C3	Bearing: 6220/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 127 kN; - Tải trọng tĩnh: 93 kN; - Vận tốc tham khảo: 7,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 4,800 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
97	Bearing	6202	Bearing: 6202 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 8,06 kN; - Tải trọng tĩnh: 3,75 kN; - Vận tốc tham khảo: 43,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 28,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
98	Bearing	6309-2Z	Bearing: 6309-2Z Các thông số cơ bản:	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	

			- Tải trọng động: 55.3 kN; - Tải trọng tĩnh: 31.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 15,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7,500 v/ph;					
99	Bearing	6207-2Z	Bearing: 6207-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 27 kN; - Tải trọng tĩnh: 15.3 kN; - Vận tốc tham khảo: 20,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 10,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	9	PC	
100	Bearing	6203-2Z	Bearing 6203-2Z Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 9,95 kN; - Tải trọng tĩnh: 4,75 kN; - Vận tốc tham khảo: 38,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 19,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
101	Bearing	6310-2Z/C3	Bearing: 6310-2Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 65 kN; - Tải trọng tĩnh: 38 kN; - Vận tốc tham khảo: 13,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,700 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
102	Bearing	6211-Z/C3	Bearing: 6211-Z/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 46,2 kN; - Tải trọng tĩnh: 29 kN; - Vận tốc tham khảo: 14,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 9,000 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
103	Bearing	6314/C3	Bearing: 6314/C3 Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 111 kN; - Tải trọng tĩnh: 68 kN; - Vận tốc tham khảo: 9,500 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 6,300 v/ph;	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
104	Bearing	6213/C3	Bearing: 6213/C3	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	

			Các thông số cơ bản: - Tải trọng động: 58.5 kN; - Tải trọng tĩnh: 40.5 kN; - Vận tốc tham khảo: 12,000 v/ph; - Vận tốc giới hạn: 7,500 v/ph;					
105	BEARING		33109	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
106	BEARING		33210	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
107	BEARING		32216	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
108	BEARING		32026	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
109	BEARING		32028	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
110	Bearing		6316	NSK	Châu Âu/OECD	2	PC	
111	Bearing housing		FSNL 517	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
112	Bearing		22217 EK	SKF	Châu Âu/OECD	16	PC	
113	Adapter sleeve		H 317	SKF	Châu Âu/OECD	16	PC	
114	Labyrinth seal		TSN 517 S	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
115	End cover		ASNH 517	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
116	Bearing housing		FSNL 520-617	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
117	Bearing		22220 EK	SKF	Châu Âu/OECD	11	PC	
118	Adapter sleeve		H 320	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	
119	Labyrinth seal		TSN 520 S	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
120	End cover		ASNH 520-617	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
121	Bearing housing		FSNL 522-619	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
122	Labyrinth seal		TSN 522 S	SKF	Châu Âu/OECD	5	PC	
123	End cover		ASNH 522-619	SKF	Châu Âu/OECD	5	PC	
124	Bearing		22226 EK	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
125	Adapter sleeve		H 3126	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
126	Labyrinth seal		TSN 526 S	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
127	End cover		ASNH 526	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
128	Adapter sleeve		H 3128	SKF	Châu Âu/OECD	14	PC	
129	End cover		ASNH 528	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
130	Bearing		22230 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
131	Adapter sleeve		H 3130	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	

132	Labyrinth seal		TSN 530 S	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
133	End cover		ASNH 530	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
134	Bearing		23040 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
135	Adapter sleeve		H 3040	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
136	End cover		ETS 40	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
137	Adapter sleeve		H 3140	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
138	Bearing		23236 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
139	Adapter sleeve		H 2336	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
140	Labyrinth seal		TS 38/160	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
141	End cover		ETS 38	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
142	Ball bearing unit		FYJ 90TF	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
143	Ball bearing unit		FYJ 75TF	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
144	Ball bearing unit		FYJ 50TF	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
145	Bearing		6018 Z	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
146	Bearing housing		STL 2224 K	HFB	Châu Âu/OECD	2	PC	
147	Bearing		22224 EK	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
148	Adapter sleeve		H 3124	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
149	Adapter sleeve		H 3118	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
150	Bearing		NJ 208 ECP	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
151	Bearing		22224 E	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
152	Plummer block housing		UCP 216	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
153	Bearing housing		FSNL 524-620	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
154	Labyrinth seal		TSN 524 ND	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
155	Bearing housing		SD 3134	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
156	Bearing		23134 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
157	Adapter sleeve		H 3134	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
158	Labyrinth seal		TS 34	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
159	Bearing		23156 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
160	Adapter sleeve		OH 3156 H	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
161	SPHERICAL		22309 E	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	

	ROLLER BEARING							
162	BEARING		NU 309 ECP	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
163	Oil - seal		95x120x12 Material: Rubber	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
164	Spherical roller bearing		22226 E	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
165	Tapper roller bearing		322226 J2	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
166	Seal ring		AS 105-130-12		Châu Âu/OECD	2	PC	
167	seal ring		AS 170-200-15		Châu Âu/OECD	2	PC	
168	Bearing		23130 CC/W33	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
169	Seal		AS 14-28-7		Châu Âu/OECD	1	PC	
170	Seal ring		AS 140-170-15		Châu Âu/OECD	1	PC	
171	Bearing		BS2-2224-2CS5/VT143	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
172	Seal ring		AS 180-210-15		Châu Âu/OECD	1	PC	
173	Seal ring		AS 230-260-15		Châu Âu/OECD	1	PC	
174	Seal ring		A 220-250-15		Châu Âu/OECD	1	PC	
175	Seal ring		AS 160-190-15		Châu Âu/OECD	1	PC	
176	Seal ring		AS 125-150-12		Châu Âu/OECD	1	PC	
177	Adapter sleeve		H 3028	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
178	Bearing		23028 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
179	Bearing		22211 EK	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
180	Baering housing		SNL 522-619	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
181	Labyrinth seal		TSN 522	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
182	Bearing housing		SNL 516-613	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
183	Bearing		22216 EK	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
184	Adapter sleeve		H 316	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
185	Bearing housing		SNL 513-611	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
186	Bearing		22213 EK	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
187	Adapter sleeve		H 313	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
188	Bearing housing		SNL 509	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
189	Bearing		22209 EK	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	

190	Bearing housing		SNL 512-610	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
191	Bearing		21310 EK	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
192	Adapter sleeve		H 310	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
193	Bearing		21309 EK	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
194	Bearing housing		FSNL 528	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
195	Labyrinth seal		TSN 528 L	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
196	spherical roller bearing		22213-E1-XL	FAG	Châu Âu/OECD	6	PC	
197	spherical roller bearing		22214-E1-XL	FAG	Châu Âu/OECD	2	PC	
198	Four-lip seal		TSN 511 L	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
199	Bearing		SKF 22211 EK/C3	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
200	Bearing		23226 EMD1	NTN	Châu Âu/OECD	6	PC	
201	Bearing		32319U	NTN	Châu Âu/OECD	6	PC	
202	Bearing		SYWK 30 YTH	SKF	Châu Âu/OECD	20	PC	
203	Bearing		SYWK 40 YTH	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
204	Bearing		22232 CCK/C3W33	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
205	Seal bearing		TSN 532 L	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
206	Adapter Sleeve		H 3132	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
207	Bearing		23144 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
208	Adapter sleeve		OH 3144 H	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
209	Bearing		6409	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
210	Bearing		6314	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
211	Bearing NU311		NU311	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
212	Bearing		NU308	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
213	BEARING		NU313	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
214	Bearing		6205ZZ	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
215	Bearing		6203ZZ	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
216	Bearing		6206ZZ	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
217	Bearing (Thrust)		5311	NSK	Châu Âu/OECD	2	PC	
218	Bearing (Radial)		6207	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	

219	Bearing (Thrust)		5306	NSK	Châu Âu/OECD	1	PC	
220	Shaft seal ring for gearbox		164,47x6,99 Viton		Châu Âu/OECD	1	PC	
221	Beairng		6224-RS1	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
222	Oil seal		120x150x12	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
223	Beairng		6228	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
224	Oil seal		140x165x10	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
225	Ball Beairng		6212 RS1	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
226	Ball Beairng		6311 RS1	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
227	Ball bearing		6220 Z	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
228	Ball bearing		6319	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
229	Ball bearing		6216 2RS1	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
230	Ball bearing		6315 R	NSK	Châu Âu/OECD	1	PC	
231	OIL SEAL		80x105x13 Material: Silicon	SKF	Châu Âu/OECD	1	PC	
232	OIL SEAL		80x110 x13 Material: Silicon	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
233	Bearing		6308C3	NSK	Châu Âu/OECD	4	PC	
234	Bearing		22222 EK	SKF	Châu Âu/OECD	13	PC	
235	Adapter sleeve		H 322	SKF	Châu Âu/OECD	14	PC	
236	Bearing		22228 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	14	PC	
237	Labyrinth seal		TSN 528 S	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
238	Labyrinth seal		TS 40	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
239	Bearing		23140 CCK/W33	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
240	Bearing		22218 EK	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
241	Adapter sleeve		H 318	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
242	Labyrinth seal		TSN 518 S	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
243	Bearing housing		SNL 518-615	SKF	Châu Âu/OECD	3	PC	
244	Adapter sleeve		H 311	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
245	Adapter sleeve		H 309	SKF	Châu Âu/OECD	12	PC	
246	Bearing housing		SNL 511-609	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
247	Bearing		6308	SKF	Châu Âu/OECD	7	PC	

248	Bearing (Thrust)		5309	NSK	Châu Âu/OECD	1	PC	
249	Oil seal		70x100x10 Vật liệu: Rubber	SKF	Châu Âu/OECD	8	PC	
250	Oil seal		50x65x8 Vật liệu: Rubber	SKF	Châu Âu/OECD	6	PC	
251	Oil seal		55x70x10 Vật liệu: Rubber	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
252	Oil seal		55x70x10 Vật liệu: Rubber	SKF	Châu Âu/OECD	4	PC	
253	Adapter sleeve		H 3140	SKF	Châu Âu/OECD	2	PC	
254	Spherical Roller Bearing(Roller Cpl)		Spherical Roller Bearing (Roller Cpl) (SKF 23268CA/W33 / TIMKEN 23268YMBW37W45B)	SKF/TIMKEN	Châu Âu/OECD	1	EA	
255	Cylindrical Roller Bearing(Roller Cpl)		Spherical Roller Bearing (Roller Cpl) (SKF 23268CA/W33/TIMKEN 23268YMBW37W45B)	SKF/TIMKEN	Châu Âu/OECD	1	EA	
256	SPHERICAL ROLLER BEARING		24064EMBW33W45A	TIMKEN	Châu Âu/OECD	2	EA	
257	ANGULAR CONTACT BALL BEARING		Angular Contact Ball Bearing(DC Drive) (SKF 718/710ACMB/P5 / TIMKEN 710BA18AA2072)	TIMKEN	Châu Âu/OECD	2	EA	
258	DEEP GROOVE BALL BEARING		Deep Groove Ball Bearing(DC Drive) (SKF 618/710MA / TIMKEN 710BC18A0414)	TIMKEN	Châu Âu/OECD	2	EA	

Yêu cầu khác:

- Các mục có dấu (*) các Nhà cung cấp chào chính hãng để tương thích với các thiết bị đang lắp ở Nhà máy.
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Cam kết bảo hành của bên bán: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa."

